

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **55** /2021/HS-ST  
Ngày 07/4/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Hồng Chiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Xuyên và ông Nguyễn Văn Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 58/2021/TLST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/HSST-QĐ ngày 8/3/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Phú N**, sinh ngày 05/02/1984 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Phú H. (đã chết) và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1952; Vợ: Lê Thị Ch, sinh năm 1986; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; Anh chị em ruột: có 07 người, bị cáo là con thứ bảy.

Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2013/HSST ngày 10/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện S. xử phạt Nguyễn Phú N. 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc, phạt tiền 3.000.000 đồng, án phí HSST là 200.000 đồng. Ngày 12/8/2014, Nguyễn Phú N. đã chấp hành xong phần dân sự của bản án.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2015/HSST ngày 14/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện S. xử phạt Nguyễn Phú N. 04 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 47/2013/HSST ngày 10/5/2013, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày

12/01/2013 đến ngày 18/01/2013), bị cáo còn phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 6 tháng 23 ngày. Phạt tiền 3.000.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 10/3/2015, Nguyễn Phú N. đã chấp hành xong phần dân sự của bản án.

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48/2015/HSST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện S. xử phạt Nguyễn Phú N. 06 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của bản án số 07/2015/HSST ngày 14/01/2015, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 12 tháng 23 ngày, phạt tiền 3.000.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 09/10/2015, Nguyễn Phú N. đã chấp hành xong phần dân sự của bản án, ngày 27/3/2016, Nguyễn Phú N. chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**2. Lê Thành Đ,** sinh ngày 13/8/1973 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Lê Xuân P, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2020 đến 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**3. Phan Văn C,** sinh ngày 08/11/1976 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phan Văn T. và bà Dương Thị P. (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1977; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2016; Anh chị em ruột: 05 người, bị cáo là con thứ tư.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC ngày 25/3/2014 của Công an huyện S, xử phạt Phan Văn C. 1.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**4. Vũ Thảo N,** sinh ngày 04/9/1980 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Vũ Hiền V, sinh năm 1946 và bà Phan Thị C. (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; Anh chị em ruột: 05 người, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**5. Hán Mạnh C**, sinh ngày 25/8/1985 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn Nà C, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hán Hùng V, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Vợ: Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1987; Con: 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; Anh chị em ruột: 03 người, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**6. Lê Quốc T**, sinh ngày 14/01/1974 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Lê Xuân P, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Phi P, sinh năm 1950; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1979; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; Anh chị em ruột: 05 người, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**7. Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 21/11/1977 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Văn T. (đã chết) và bà Lê Thị C, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2020; Anh chị em ruột: 05 người, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân Thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 48/2015/HSST ngày 28/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt Nguyễn Văn Q. 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc, phạt tiền 3.000.000 đồng, án phí HSST 200.000 đồng. Ngày 28/5/2016, Nguyễn Văn Q. chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**8. Phan Thanh G**, sinh ngày 14/12/1979 tại Thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Tổ 1, khu 2, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Phan Kim C. (đã chết) và bà Ngô Thị V, sinh năm 1930; Vợ: Bùi Thị Diệu H, sinh năm 1979; Con: 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014; Anh chị em ruột: 08 người, bị cáo là con thứ tám.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**9. Nguyễn Văn K**, sinh ngày 13/12/1982 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1944 và bà Lã Thị T, sinh năm 1952; Vợ: Lương Xuân T, sinh năm 1987; Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ tư.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**10. Nguyễn Văn N**, sinh ngày 04/6/1971 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1938; Vợ: Hà Thị B, sinh năm 1976; Con: có 03 người, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2008; Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ ba.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**11. Phan Văn V**, sinh ngày 26/01/1983 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Phan Văn T. và bà Dương Thị P. (đều đã chết); Vợ: Trần Thị L, sinh năm 1981; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2019; Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ năm.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**12. Lê Hữu U**, sinh ngày 01/01/1979 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Lê Khánh K (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1957; Vợ: Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1986; Con: có 03 người, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**13. Nguyễn Huy T**, sinh ngày 22/02/1982 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Vợ: Phan Thị Ánh N, sinh năm 1987; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; Anh chị em ruột: có 06 người, bị cáo là con thứ sáu.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020, hiện đang bị áp dụng hiện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

**14. Phan Văn B**, sinh ngày 02/02/1972 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 4/12; con ông Phan Văn T. và bà Dương Thị P. (đều đã chết); Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1976; Con: có 02 người, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2012; Anh chị em ruột: 05 người, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng hiện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

\* *Người bào chữa cho các bị cáo Phan Văn V, Lê Hữu U*.: Bà Vũ Thanh T. - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang

\* *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Huy T, Lê Quốc T*.: Bà Nguyễn Thị N. - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

(các bị cáo và những người bào chữa đều có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 10 phút ngày 20/12/2020, tại nhà bà Lê Thị V, thuộc Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện S phối hợp với Công an xã V, huyện S. lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phan Thanh G, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Lê Quốc T, Phan Văn C, Lê Thành Đ, Vũ Thảo N, Nguyễn Phú N, Phan Văn V. và Hán Mạnh C. về hành vi Đánh bạc bằng hình thức đánh sâm và đánh ba cây được thua bằng tiền.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 chiếu nhựa màu xanh, 52 quân bài tứ lơ khơ và số tiền 11.685.000 đồng trên chiếu bạc các đối tượng đánh bạc dưới hình thức chơi sâm được thua bằng tiền, Lê Thành Đ. tự nguyện giao nộp 3.550.000 đồng và 01 ví giả da màu nâu.

- 01 chiếu cói màu đỏ, 36 quân bài tứ lơ khơ và số tiền 9.220.000 đồng trên chiếu bạc các đối tượng đánh bạc dưới hình thức chơi ba cây được thua bằng tiền, Phan Thanh G. tự nguyện giao nộp số tiền 25.000.000 đồng và 01 ví giả da màu đen, Phan Văn V. tự nguyện giao nộp 130.000 đồng và 01 ví giả da màu nâu.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 20 giờ ngày 20/12/2020, Nguyễn Phú N, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Hán Mạnh C, Vũ Thảo N, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q, Lê Quốc T, Nguyễn Huy T, Lê Hữu U, Phan Văn V, Phan Văn B. rủ nhau đến gian bếp nhà bà Lê Thị V. để đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây và đánh sâm được thua bằng tiền (khi các bị cáo đánh bạc bà V. không biết). Quá trình đánh bạc không có ai canh gác,

thu tiền hộ, không xác định được người rủ rê khởi xướng; Lê Quốc T. là người chuẩn bị 02 bộ bài tú lơ khơ để làm dụng cụ đánh bạc.

\* Tại chiếu đánh bạc thứ nhất có: Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Q, Lê Quốc T, Nguyễn Huy T, Lê Hữu U, Phan Văn V, Phan Văn B. cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền, mức sát phạt từ 20.000 đồng trở lên. Hình thức đánh ba cây như sau: Mỗi ván chia đều mỗi người 03 lá bài tú lơ khơ từ 36 quân bài (bỏ các quân 10, J, Q, K trong bộ bài tú lơ khơ) sau đó cộng vào tính điểm, tổng điểm 10 là cao nhất, (tổng điểm 03 quân bài là 10, 20 thì tính 10 điểm, tổng điểm trên 10 hoặc trên 20 thì lấy hàng đơn vị tính điểm bài đó) rồi tính điểm với người cầm chương, nếu thắng sẽ được 20.000 đồng, nếu bài được 09 hoặc 10 điểm thì sẽ được 40.000 đồng, ai được 10 điểm sẽ được cầm chương, nếu các bài bằng điểm nhau thì sẽ so đến chất theo thứ tự Rô, Cơ, Nhép, Bích. Số tiền đánh bạc các đối tượng khai nhận:

1. Nguyễn Văn Q. có 200.000 đồng sử dụng để đánh bạc, bị thua hết.
2. Nguyễn Văn N. có 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị phát hiện để tiền ở chiếu bạc.
3. Phan Văn V. có 340.000 đồng sử dụng để đánh bạc, bị thua 210.000 đồng thì không chơi nữa và ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Khi bị phát hiện tự nguyện giao nộp số tiền 130.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công huyện S.
4. Lê Hữu U. có 220.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng 80.000 đồng, khi bị phát hiện để tiền ở dưới chiếu bạc.
5. Nguyễn Huy T. có 130.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị phát hiện để tiền ở dưới chiếu bạc.
6. Nguyễn Văn K. có 1.100.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng 1.500.000 đồng, khi bị phát hiện để số tiền 2.600.000 đồng ở dưới chiếu bạc.
7. Lê Quốc T. có 450.000 đồng sử dụng để đánh bạc, thua 300.000 đồng, khi bị phát hiện để tiền ở dưới chiếu bạc.
8. Phan Văn B. có 100.000 đồng sử dụng để đánh bạc, bị thua hết nên không chơi nữa mà về nhà đám ma ở gần nhà bà V. để ngủ.
9. Khi B. đi về nhà đám ma thì Phan Thanh G. đến và tham gia đánh bạc, G. có 25.000.000 đồng, G. lấy 5.000.000 đồng ra tham gia đánh bạc, còn 20.000.000 đồng để ở trong ví không sử dụng để đánh bạc. Ván đầu G. thua trả T. số tiền 20.000 đồng, G. đưa T. tờ tiền 500.000 đồng nhưng T. không có tiền trả lại nên nợ, sau đó G. cất 5.000.000 đồng vào túi quần đang mặc và tiếp tục đánh bạc. Khi bị phát hiện G. tự nguyện giao nộp số tiền 25.000.000 đồng trong ví (trong đó có 5.000.000 đồng mục đích sử dụng đánh bạc, 20.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc).

Tổng số tiền các bị cáo Khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc khi bị bắt là **8.040.000 đồng**. Nhưng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc nơi các đối tượng đánh ba cây là 9.220.000 đồng, Phan Văn V. tự nguyện giao nộp 130.000 đồng, Phan Thanh G. tự nguyện

giao nộp số tiền 25.000.000 đồng (trong đó 5.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, 20.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc). Tổng số tiền Cơ quan CSĐT Công an huyện S. thu giữ tại chiếu bạc và các đối tượng giao nộp số tiền sử dụng đánh bạc là **14.350.000 đồng**. Còn chênh lệch số tiền **6.310.000 đồng** không xác định được của bị cáo nào, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Như vậy bị cáo Phan Văn B. và các bị cáo khác (trừ bị cáo Phan Thanh G.) tham gia đánh bạc với tổng số tiền **9.350.000 đồng**; Bị cáo Phan Thanh G. và các bị cáo khác tham gia đánh bạc với tổng số tiền **14.350.000 đồng**.

\* Tại chiếu bạc thứ hai có: Nguyễn Phú N, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Hán Mạnh C, Vũ Thảo N. cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh sâm được thua bằng tiền, mức sát phạt 5.000 đồng/01 lá bài.

Hình thức đánh sâm như sau: Từ bộ bài tứ lơ khơ 52 quân sẽ chia đều cho mỗi người chơi 10 quân bài, ai hết bài trước người đó thắng, những người còn lại sẽ tính số lá bài còn lại quy đổi tương ứng 5.000 đồng/01 lá bài rồi trả tiền cho người thắng, nếu bất kỳ người chơi nào báo sâm (đánh hết 10 lá bài không ai bắt được) thì người chơi đó sẽ nhận được từ các người chơi khác số tiền 100.000 đồng, nếu bị người chơi khác chặn thì người báo sâm sẽ phải trả cho người chặn được số tiền 500.000 đồng, khi ván bài kết thúc người chơi nào còn 10 lá bài trên tay thì phải trả cho người thắng số tiền 80.000 đồng.

Số tiền đánh bạc các đối tượng khai nhận:

1. Nguyễn Phú N. có 1.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, bị thua 200.000 đồng, khi bị phát hiện Nghiệp để 800.000 đồng ở dưới chiếu bạc.

2. Hán Mạnh C. có 700.000 đồng sử dụng để đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị phát hiện để hết tiền ở dưới chiếu bạc.

3. Lê Thành Đ. có 3.650.000 đồng để trong ví sử dụng để đánh bạc, bị thua 100.000 đồng, khi bị phát hiện đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.550.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công an huyện S.

4. Phan Văn C có 1.200.000 đồng sử dụng để đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị phát hiện để tiền ở dưới chiếu bạc.

5. Vũ Thảo N. có 800.000 đồng sử dụng để đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị phát hiện để hết tiền ở dưới chiếu bạc.

Tổng số tiền các đối tượng khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc là **7.350.000 đồng**, nhưng số tiền Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc nơi các đối tượng đánh sâm là 11.685.000 đồng và Lê Thành Đ. giao nộp là 3.550.000, tổng cộng là **15.235.000 đồng**. Còn chênh lệch số tiền **7.885.000 đồng** không xác định được của bị cáo nào, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này.

Các đối tượng tham gia đánh bạc đến 22 giờ 10 phút cùng ngày thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện S phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKSSD ngày 08 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phú N, Hán Mạnh C, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Vũ Thảo N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Phan Văn V, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn K, Lê Quốc T, Phan Thanh G, Phan Văn B. về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phú N, Hán Mạnh C, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Vũ Thảo N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Phan Văn V, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn K, Lê Quốc T, Phan Thanh G, Phan Văn B. phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Phú N.** từ **07** (bảy) đến **10** (mười) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Phan Thanh G.** từ **09** (chín) đến (mười hai) tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Q.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn C** từ **07** (bảy) đến **10** (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 14 (mười bốn) đến 20 (hai mươi) tháng.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thành Đ.** từ **08** (tám) đến **11** (mười một) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 16 (mười sáu) đến 22 (hai mươi hai) tháng.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn K.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Xử phạt: Bị cáo **Hán Mạnh C.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Quốc T.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Thảo N.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, 58 Bộ luật Hình sự



Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Huy T.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N.** từ **09** (chín) đến **12** (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn V.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hữu U.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn B.** từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc nhựa màu xanh, 01 chiếc cói màu đỏ, 01 bộ bài 52 quân, 01 bộ bài 36 quân; tịch thu sung quỹ số tiền 29.858.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, trả lại 03 ví giả da cho các bị cáo G, Đ. và V, trả cho bị cáo G. số tiền 20.000.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội.

Ngoài ra, đại diện viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố; các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau cùng các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Người bào chữa cho các bị cáo Phan Văn V, Lê Hữu U. trình bày luận cứ bào chữa thể hiện quan điểm nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo V. có bố để tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo U. có bố tham gia kháng chiến đang hưởng chế độ thương binh và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba. Đề nghị HĐXX xử các bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt cải tạo không giam giữ.

Người bào chữa cho các bị Lê Quốc T, Nguyễn Huy T. trình bày luận cứ bào chữa thể hiện quan điểm nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố

đối với bị cáo và đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T. có bố đẻ tham gia dân công hỏa tuyến. Đề nghị HĐXX xử bị cáo T. mức khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; xử bị cáo T. mức khởi điểm khung hình phạt cải tạo không giam giữ.

### NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 22 giờ 10 phút ngày 20/12/2020 tại nhà bà Lê Thị V. thuộc Thôn M, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Phan Văn V, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn K, Lê Quốc T, Phan Thanh G, Phan Văn B. đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh ba cây, được thua bằng tiền; các bị cáo Nguyễn Phú N, Hán Mạnh C, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Vũ Thảo N, đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh sâm, được thua bằng tiền.

Về số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi bị Tổ công tác Công an huyện S phát hiện bắt quả tang có một số bị cáo bị bắt tại chỗ, một số bị cáo đã rời khỏi hiện trường trước đó, số tiền tham gia đánh bạc được bỏ lại trên chiếu bạc và do các bị cáo tự giác giao nộp. Tổ công tác đã thu giữ:

+ Tại chiếu đánh ba cây tổng số tiền thu giữ là **14.350.000** đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 9.220.000 đồng, bị cáo Phan Văn V. tự nguyện nộp 130.000 đồng, bị cáo Phan Thanh G. tự nguyện nộp 5.000.000 đồng; số tiền các bị cáo khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc là 8.040.000 đồng; số tiền chênh lệch 6.310.000 đồng không xác định được chủ sở hữu, sử dụng

+ Tại chiếu đánh sâm tổng số tiền thu giữ là **15.235.000** đồng, trong đó số tiền thu trên chiếu bạc là 11.685.000 đồng, Lê Thành Đ. tự nguyện nộp 3.550.000 đồng; số tiền các bị cáo Khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc là 7.350.000 đồng, số tiền chênh lệch 7.885.000 đồng không xác định được chủ sở hữu, sử dụng.

Số tiền chênh lệch trên được thu trên chiếu bạc nhưng không xác định được chủ sở hữu vì khi bị bắt quả tang các bị cáo để hết tiền trên chiếu bạc, các bị cáo cũng không xác định được số tiền thắng thua nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này.

Như vậy, xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh ba cây là **14.350.000** đồng (mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), sử dụng vào việc đánh sâm là **15.235.000** đồng (mười lăm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm Hình sự, nhưng đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây và đánh sâm được thua bằng tiền, lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo thể hiện:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Phan Văn V, Phan Văn C, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn K, Lê Quốc T, Phan Thanh G, Phan Văn B, Hán Mạnh C, Lê Thành Đ, Vũ Thảo N. phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Phú N. có thời gian tham gia quân ngũ được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến và có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Phan Văn V, Phan Văn C, Phan Văn B. có bố đẻ tham gia dân công hỏa tuyến trong thời kỳ kháng chiến được hưởng chế độ trợ cấp một lần; bị cáo Nguyễn Văn K. có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, mẹ đẻ tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ trợ cấp một lần; bị cáo Phan Thanh G. có mẹ đẻ tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ trợ cấp một lần; bị cáo Hán Mạnh C. có thời gian tham gia quân ngũ được tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến và có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Nguyễn Văn N. có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Lê Quốc T, Lê Thành Đ. có bố đẻ tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ trợ cấp một lần; bị cáo Lê Hữu U. có bố đẻ tham gia kháng chiến đang hưởng chế độ thương binh và được tặng thưởng Huân chương giải phóng hạng 3; bị cáo Nguyễn Văn Q. trong quá trình sinh sống tại địa phương chấp hành tốt chủ trương chính sách pháp luật không vi phạm gì, là lao động chính trong gia đình có đơn xin được cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương. Do vậy các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Về mức độ phạm tội, vai trò và căn cứ áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nhất là

trong tình hình hiện nay tệ nạn cờ bạc, số đề đang diễn ra hàng ngày. Các bị cáo vì háms lợi, tin vào sự may rủi, nhằm vừa thoả mãn lợi nhuận do may mắn lại vừa thoả mãn sự sát phạt lẫn nhau. Vì vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo được xác định:

Bị cáo **Nguyễn Phú N.** có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân còn phạm tội đánh bạc nên bị cáo giữ vai trò chính, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn trong một thời gian nhất định mới cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Các bị cáo còn lại là những người thực hành tích cực, trong đó các bị cáo **Phan Thanh G, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Nguyễn Văn K.** tham gia đánh bạc với số tiền lớn (bị cáo G. có 5.000.000 đồng, bị cáo Đ. có 3.650.000 đồng, bị cáo C. có 1.200.000 đồng, bị cáo K. có 1.100.000 đồng); các bị cáo **Vũ Thảo N, Hán Mạnh C.** có số tiền tham gia tương đối lớn (Nguyễn có 800.000 đồng, Cường có 700.000 đồng); bị cáo **Lê Quốc T.** có số tiền tham gia ít hơn nhưng là người chuẩn bị bài tú làm công cụ đánh bạc; bị cáo **Nguyễn Văn Q.** tham gia đánh bạc với số tiền thấp nhưng đã bị xét xử về tội đánh bạc. Do vậy, tính chất nguy hiểm trong hành vi và vai trò của các bị cáo tương đương nhau, tùy số tiền tham gia đánh bạc và hành vi của các bị cáo để HĐXX quyết định mức án phù hợp đối với từng bị cáo.

Tuy nhiên, HĐXX cũng thấy rằng, bị cáo Phan Văn C. tuy đã bị xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích nhưng đã được coi là hết thời hiệu bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo Nguyễn Văn Q. tuy đã bị xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo thử thách 01 năm về tội đánh bạc nhưng đã được xóa án tích. Tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng, theo tinh thần Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì các bị cáo được coi là có nhân thân tốt. Bị cáo Phan Thanh G. có số tiền tham gia đánh bạc lớn nhất nhưng bị cáo là người đến sau cùng, mới tham gia đánh bạc được thời gian ngắn thì bị bắt nên tính chất nguy hiểm không lớn. Do vậy, xét các bị cáo G, Cảnh, Đô, Kha, Quảng, T, N, C. có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, không có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên theo tính chất nhân đạo của Nhà nước và theo nguyên tắc xét xử theo hướng có lợi cho người phạm tội thì không cần thiết bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, cách ly xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục.

Các bị cáo Nguyễn Văn N, **Phan Văn V, Phan Văn B, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T.** có số tiền tham gia đánh bạc thấp, tính chất nguy hiểm trong hành vi không lớn. Bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, cho bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương cũng đủ răn đe giáo dục đối với các bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà Viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Do các bị cáo V, U, T. là hộ cận nghèo, bị cáo N, B. làm ruộng, thu nhập không ổn định nên miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 chiếc nhựa màu xanh, 01 chiếc cói màu đỏ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, 02 ví giả da màu nâu, 01 ví giả da màu đen và tiền mặt 49.585.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Đối với 01 chiếc nhựa màu xanh, 01 chiếc cói màu đỏ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 ví giả da màu nâu, 01 ví giả da màu đen là tài sản của các bị cáo Phan Thanh G, Lê Thành Đ. và Phan Văn V, không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc 29.585.000 đồng (trong đó thu trên chiếu bạc 20.905.000 đồng, Lê Thành Đ. tự nguyện giao nộp 3.550.000 đồng, Phan Thanh G. tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000 đồng, Phan Văn V. tự nguyện giao nộp 130.000 đồng) đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Số tiền 20.000.000 đồng là tài sản của bị cáo Phan Thanh G. không liên quan đến việc phạm tội cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Toàn bộ số tiền trên hiện đang được tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. mở tại Kho bạc nhà nước huyện S, tỉnh Tuyên Quang

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Phú N, Hán Mạnh C, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Vũ Thảo N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Phan Văn V, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn K,

Lê Quốc T, Phan Thanh G, Phan Văn B, mỗi bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.**

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Phú N, Hán Mạnh C, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Vũ Thảo N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Phan Văn V, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn K, Lê Quốc T, Phan Thanh G, Phan Văn B. phạm tội “Đánh bạc”.

**2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.**

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Phú N. 07** (bảy) tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

**3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, 58 Bộ luật Hình sự.**

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thanh G. 01** (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thành Đ. 10** (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn C. 09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn K. 08** (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Hán Mạnh C. 07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Quốc T. 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q. 06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Thảo N. 07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*\* Giao các bị cáo Lê Thành Đ, Phan Văn C, Nguyễn Văn K, Vũ Thảo N, Lê Quốc T, Nguyễn Văn Q. cho UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Phan Thanh G. cho UBND phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; giao bị cáo Hán Mạnh C. cho UBND thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.*

*Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật thi hành án Hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án Hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

**6.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N. 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày, quy đổi thành 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn V. 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày, quy đổi thành 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hữu U. 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày, quy đổi thành 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Văn B. 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án

**7.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Huy T. 06** (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/12/2020 đến ngày 26/12/2020 là 06 (sáu) ngày, quy đổi thành 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

*\* Giao các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Phan Văn B. cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; giao bị cáo Phan Văn V. cho Ủy ban nhân*

*dân xã V1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.*

**8.** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc nhựa màu xanh, 01 chiếc cối màu đỏ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng.

- Trả lại cho các bị cáo Phan Thanh G. 01 ví giả da màu đen, bị cáo Phan Văn V. 01 ví giả da màu nâu, bị cáo Lê Thành Đ. 01 ví giả da màu nâu là tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/02/2021 giữa Công an huyện S với Chi cục thi hành án dân sự huyện S).*

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 29.585.000 (hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn) đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; trong đó thu trên chiếu bạc 20.905.000 đồng, Lê Thành Đ. giao nộp 3.550.000 đồng, Phan Thanh G. giao nộp 5.000.000 đồng, Phan Văn V. giao nộp 130.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Phan Thanh G. số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

*Toàn bộ số tiền trên hiện đang được tạm gửi tại tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S mở tại Kho bạc nhà nước huyện S, tỉnh Tuyên Quang.*

**9.** Căn cứ vào Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Các bị cáo Nguyễn Phú N, Hán Mạnh C, Lê Thành Đ, Phan Văn C, Vũ Thảo N, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn N, Phan Văn V, Lê Hữu U, Nguyễn Huy T, Nguyễn Văn K, Lê Quốc T, Phan Thanh G, Phan Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã V, xã V1, xã H;
- UBND TT. T, huyện Q.;
- UBND p. N, thành phố. V.;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hồng Chiến**



